TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **235**/2026/DS-ST
Ngày 22-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trường

Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thúy Vân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lư Minh N, sinh năm 1980 (có mặt)

Căn cước công dân: 096080011…, cấp ngày 05/10/2022.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thường V là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hữu L, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 096088006…, cấp ngày 04/10/2022.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Việt N1, sinh năm 1969 (có mặt)

Căn cước công dân: 096069011…, cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Quách Văn S, sinh năm 1982 (có mặt)

Căn cước công dân: 096082003…, cấp ngày 10/8/2021.

3. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 096084007…, cấp ngày 09/8/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau.

4. Chị Nguyễn Thu N2, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, anh Lư Minh N trình bày:

Ngày 02/02/2025, anh Huỳnh Hữu L mua lúa của 03 hộ dân, đã đưa lúa xuống ghe vận chuyển nhưng không có tiền trả nên 03 hộ dân không cho ghe xuất bến, anh L nhờ anh N bảo lãnh và hẹn 07 ngày sẽ trả tiền lúa cho 03 hộ dân. Cụ thể anh L mua lúa của các hộ dân:

- Mua lúa của anh Quách Văn S: 14.427kg lúa x 8.600 đồng/kg lúa = 124.072.000 đồng + 600.000 đồng tiền bao đựng lúa – 10.000.000 đồng tiền đặt cọc, anh L còn nợ lại 114.672.000 đồng.

- Mua lúa của anh Nguyễn Văn P: 12.655kg lúa x 8.600 đồng/kg lúa = 108.833.000 đồng + 556.000 đồng tiền bao đựng lúa – 10.000.000 đồng tiền đặt cọc, anh L còn nợ lại 99.389.000 đồng.

- Mua lúa của ông Huỳnh Việt N1: 17.976kg lúa x 8.600 đồng/kg lúa = 154.593.600 đồng + 742.000 đồng tiền bao đựng lúa – 6.000.000 đồng tiền đặt cọc, anh L còn nợ lại 149.335.000 đồng.

Tổng số tiền anh L còn nợ lại 03 hộ dân là 363.396.000 đồng. Hết thời hạn 07 ngày, anh L không có tiền thanh toán cho các hộ dân nên anh L nhờ anh N vay 300.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 18.000.000 đồng đưa cho anh L để trả tiền cho các hộ dân (có biên nhận xác nhận nợ ngày 03/4/2025 của anh L) và anh L còn nợ ông N1 số tiền 61.498.000 đồng nên anh N phải trả cho ông N1 theo thỏa thuận bảo lãnh. Do anh L không trả vốn và lãi đối với khoản tiền nhờ anh N vay nên anh N phải đóng lãi 04 tháng x 18.000.000 đồng/tháng = 72.000.000 đồng.

Nay anh N yêu cầu anh L và chị Nguyễn Thu N2 trả cho anh N số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 475.998.000 đồng (trong đó: Vốn vay 300.000.000 đồng, tiền lãi 72.000.000 đồng, trả nợ ông N1 61.498.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/8/2025 đến ngày 22/4/2026 là: 300.000.000 đồng x 20%/năm x 8,5 tháng = 42.500.000 đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và vay tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh L và chị N2 cùng có nghĩa vụ trả cho anh N tổng số tiền 475.998.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Việt N1, anh Quách Văn S và anh Nguyễn Văn P thống nhất trình bày: Vụ mùa đông xuân năm 2025, anh L đến ruộng để xem lúa và đồng ý mua với giá 8.600 đồng/kg, anh L đặt cọc cho 03 hộ dân, sau đó đến mua số lượng và nhờ anh N bảo lãnh như nguyên đơn trình bày. Sau khi mua lúa và được anh N bảo lãnh thì anh L hẹn đến ngày 31/3/2025 sẽ trả đủ tiền nhưng kéo dài đến ngày 03/3/2025 anh L không có tiền nên nhờ anh N vay để đưa tiền cho anh L trực tiếp trả cho anh P, anh S và ông N1. Số tiền còn nợ lại khoảng 61.498.000 đồng anh N trực tiếp trả cho ông N1.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Hữu L đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu N2 và anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị N2 và anh P.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh L là người trực tiếp gặp các hộ dân xem và đặt tiền cọc mua lúa nhưng quan hệ phát sinh giao dịch dân sự giữa anh L và anh N xuất phát từ việc bảo lãnh và nhờ vay tiền để đưa cho anh L trả cho các hộ dân bán lúa. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và vay tài sản" như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Lư Minh N về việc yêu cầu anh L trả số tiền nhờ vay 300.000.000 đồng, thấy rằng: Căn cứ vào các biên nhận tính tiền lúa cùng ngày 26/3/2025 thể hiện, anh L có mua lúa hột của các hộ anh P, anh S và ông N1, sau khi đối trừ tiền anh L đặt cọc còn nợ lại 363.396.000 đồng. Tại "Biên nhận xác nhận nợ" ngày 03/4/2025 anh L thừa nhận có mua lúa của ông N1, anh P và anh S tổng số lúa là 45 tấn với giá 8.600 đồng/kg thành tiền là 387.000.000 đồng … vì trễ hẹn nên nhờ anh N mượn tiền bên ngoài để trả cho những người này với số tiền 300.000.000 đồng. Anh L hứa hoàn trả số tiền này sớm nhất, nếu không có tiền hoàn trả thì đóng lãi cho người anh N vay theo lãi suất thỏa thuận (bút lục 34, 35). Như vậy, có căn cứ xác định anh N vay tiền đưa cho anh L để trả tiền thu mua lúa là 300.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của anh N về tiền lãi tương ứng với số tiền vốn 300.000.000 đồng, thấy rằng: Tuy anh L làm biên nhận có thể hiện nội dung nếu không hoàn trả vốn vay thì đóng lãi theo thỏa thuận nhưng không thể hiện cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu, trong khi anh N yêu cầu trả lãi 04 tháng tương ứng 18.000.000 đồng/tháng là quá cao so với quy định pháp luật. Tại phiên tòa, anh N

không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi thay cho anh L số tiền 72.000.000 đồng. Dó đó, cần điều chỉnh lại khoản lãi mà anh N đã đóng tương ứng với 04 tháng là: 300.000.000 đồng x 20%/năm x 04 tháng = 20.000.000 đồng.

Anh N yêu cầu khoản lãi trên số tiền 300.000.000 đồng do anh L chưa thanh toán tính từ ngày 06/8/2025 đến ngày 22/4/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền 42.500.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đối với số tiền 61.498.000 đồng anh N trả cho ông N1 theo nghĩa vụ bảo lãnh, có biên nhận của ông N1 và tại phiên tòa, ông N1 xác định anh L còn nợ lại ông số tiền như trên nên anh N đã trả thay xong. Do anh N thực vụ nghĩa vụ thay nên buộc anh L có nghĩa vụ trả lại cho anh N số tiền 61.498.000 đồng.

[6] Anh N yêu cầu chị Nguyễn Thu N2 cùng có nghĩa vụ với anh L trả số tiền nêu trên là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, tại phiên tòa, anh N xác định nội dung "Biên nhận xác nhận nợ" ngày 03/4/2025 là do anh N trực tiếp viết, có mặt của chị N2 và anh L, nhưng toàn bộ nội dung biên nhận chỉ thể hiện anh L có nghĩa vụ thanh toán nợ, không đề cập đến chị N2 cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ và cuối biên nhận chị N2 ký tên với tư cách là người làm chứng. Tuy khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh L và chị N2 nhưng khi anh N là người trực tiếp viết biên nhận lại không đề cập đến nghĩa vụ của chị N2 đối với khoản nợ này nên xác định đây là nợ riêng của anh L.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc anh L có nghĩa vụ trả cho anh N tổng số tiền 423.998.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh N về yêu cầu anh L trả số tiền 52.000.000 đồng và về yêu cầu chị N2 có nghĩa vụ liên đới cùng anh L trả nợ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 20.960.000 đồng. Anh N phải chịu án phí tương ứng với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 2.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 335, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lư Minh N. Buộc anh Huỳnh Hữu L trả cho anh Lư Minh N số tiền 423.998.000 (bốn trăm hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lư Minh N về việc yêu cầu anh Huỳnh Hữu L trả số tiền 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng và về yêu cầu chị Nguyễn Thu N2 phải có nghĩa vụ liên đới với anh Huỳnh Hữu L trả cho anh Lư Minh N số tiền 475.998.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Huỳnh Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 20.960.000 (hai mươi triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Anh Lư Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng. Ngày 14 tháng 10 năm 2025, anh Lư Minh N đã nộp số tiền 9.610.000 (chín triệu sáu trăm mười nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001775 và ngày 06 tháng 11 năm 2025 đã nộp số tiền 1.229.125 (một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004015 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, đối trừ, anh Lư Minh N được nhận lại 8.239.125 (tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Minh Út